TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2026/HC-ST
Ngày 20-5-2026
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hiền

Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 15/2025/TLST-HC ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 096074862049, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Anh Hồ Vũ P, sinh năm 1980 – Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/8/2025 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường A, tỉnh Cà Mau.

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã S, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đỗ Thành N – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau - Theo văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 05/5/2026 của ông Đỗ Văn S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã S, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn S – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã S, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Huỳnh Diễm M, sinh năm 1996 (có mặt)

3. Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1994 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Huỳnh Văn U trình bày:

Ông Huỳnh Văn U xây nhà mới diện tích 92,75m^2 (chiều ngang 07m x dài 13,25m, kết cấu khung cột bằng kẽm tiền chế, mái lợp tôn lạnh, vách dừng tôn lạnh, nền đổ đá) thì bị Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn S lập biên bản vi phạm hành chính ngày 16/5/2022 và Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 24/5/2022 (gọi tắt là Quyết định số 08) xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi "Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị", diện tích đất chiếm 92,75m^2, thửa số 3, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích 21.453m^2, mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị: Xử phạt ông Huỳnh Văn U số tiền 30.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất lấn chiếm, cụ thể: Buộc ông U phá dỡ công trình, vật kiến trúc và trả lại đất đã lấn chiếm.

Để bảo đảm thi hành Quyết định số 08, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 05/6/2025 (gọi tắt là Quyết định số 09) về việc cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả, thời gian thực hiện 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Ngày 29/9/2025, Chủ tịch UBND xã S ban hành Quyết định số 32/QĐ-CCXP (gọi tắt là Quyết định số 32) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể do hành vi vi phạm hành chính gây ra là "Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị", diện tích đất chiếm 92,75m² (dưới 0,05 héc ta), thửa đất số 03, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích 21.453,0m², mục đích sử dụng đất là đất ở đô thị (ODT) theo Mãnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 được Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau xác lập ngày 28/4/2021 và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận ngày 15/5/2021. Đồng thời, buộc ông U khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm, cụ thể là phá dỡ công trình, vật kiến trúc và trả lại đất đã chiếm (phá dỡ căn nhà khung cột bằng kẽm tiền chế, mái lợp tôn lạnh, vách dừng tôn lạnh, nền đổ đá và trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm 92,75m²). Các quyết định này đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông U nên yêu cầu hủy 03 quyết định:

- Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Cà Mau về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi "Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị".

- Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Cà Mau về việc cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả.

- Quyết định số 32/QĐ-CCXP ngày 29/9/2025 của Chủ tịch UBND xã S, tỉnh Cà Mau về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn U trình bày căn cứ yêu cầu hủy các quyết định: (1) Diện tích đất xây dựng căn nhà là hợp pháp: Nguồn gốc phần đất diện tích 4.250m² bị ảnh hưởng bởi khu dân cư xen ghép Sông Đốc là do UBND huyện T cấp quyền sử dụng đất cho ông Võ Khắc Đ theo Quyết định số 384 ngày 21/8/1993. Sau đó, ông Đ chuyển nhượng cho ông Đ1 và ông Đ1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông U. Vợ, chồng ông U canh tác ổn định, không tranh chấp với ai, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cập nhật chủ sử dụng đất trên sổ mục kê quản lý đất đai tỉnh Cà Mau vào năm 2008 và năm 2012. (2) Quyết định số 08 và các Quyết định cưỡng chế là sai chủ thể vì: Phần đất diện tích 92,75m^2 ông U đã cho anh G và chị M cất căn nhà nêu trên; số căn cước công dân ghi trong Quyết định không phải của ông Huỳnh Văn U. (3) Cùng quyết định xử phạt hành chính nhưng ban hành 02 quyết định cưỡng chế.

Người đại diện của Chủ tịch UBND xã S, tỉnh Cà Mau trình bày: Trình tự thủ tục, thẩm quyền, căn cứ ban hành và nội dung Quyết định hành chính số 08 và các quyết định cưỡng chế là đúng quy định pháp luật. Về thông tin chủ thể bị xử phạt và cưỡng chế có sai sót nhỏ nhưng không làm thay đổi bản chất nội dung quyết định. Do đó, người bị kiện đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của ông U và giữ nguyên các quyết định hành chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng G và chị Huỳnh Diễm M trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 92,75m^2 là của ông Huỳnh Văn U (cha ruột của chị M) nhận chuyển nhượng hợp pháp, sử dụng ổn định lâu dài, có kê khai đăng ký sổ mục kê vào năm 2008 và năm 2012. Đến năm 2022, ông U cho vợ chồng chị M cất nhà, bị xử phạt theo Quyết định số 08 và các quyết định cưỡng chế. Do phần đất ông U cho vợ chồng chị M là hợp pháp và căn nhà là của vợ chồng chị M nhưng Quyết định số 08 và các quyết định cưỡng chế đối với ông U là ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng chị M. Do đó, anh G và chị M đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông U về việc hủy các quyết định nêu trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng hành chính trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án hành chính. Về nội dung: Căn cứ Điều 30, Điều 31, Điều 116, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị định số 296/2025/NĐ-CP ngày 16/11/2025 của Chính phủ; khoản 5 Điều 16 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U: Hủy Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 05/6/2025 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện T (nay là UBND xã S) và Quyết định số

32/QĐ-CCXP ngày 29/9/2025 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã S.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U về việc hủy Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 24/5/2022 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh Văn U.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã S, tỉnh Cà Mau đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt UBND xã S là phù hợp.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Ông Huỳnh Văn U khởi kiện Quyết định số 08, Quyết định số 09 và Quyết định số 32 là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại Điều 30, 31 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 5 Điều 16 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thì quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp buộc khắc phục hậu quả vi phạm hành chính là không áp dụng thời hạn nên các quyết định hành chính bị khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Đánh giá tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính bị khởi kiện và xem xét những căn cứ mà người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định:

[3.1] Thẩm quyền ban hành Quyết định số 08, Quyết định số 09 và Quyết định số 32: Theo Điều 38 và Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì Chủ tịch UBND huyện T có thẩm quyền ban hành Quyết định số 08, Quyết định 09 và Quyết định số 32 được thực hiện sau khi sáp nhập nên Chủ tịch UBND xã S kế thừa, thực hiện quyền và nghĩa vụ của UBND cấp huyện trước đây là bảo đảm tính hợp pháp, trình tự thủ tục ban hành đúng quy định tại Điều 3, 5, 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.2] Về trình tự, thủ tục và nội dung của Quyết định số 08: Ông Huỳnh Văn U cho rằng phần đất xây dựng căn nhà có nguồn gốc từ ông Võ Khắc Đ được UBND huyện T cấp cho ông Võ Khắc Đ theo Quyết định số 384 ngày 21/8/1993, ông Đ chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Đ1 sau đó ông Đ1 chuyển nhượng cho ông U diện tích 4.250m² (có cạnh ngang 170m x dài 25m) vào năm 1996, có làm giấy tay chuyển nhượng, đến năm 2008, 2012, ông U đăng ký sổ mục kê, sử dụng ổn định và không tranh chấp nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông U là không có căn cứ. Bởi vì, theo hồ sơ thể hiện ngày 15/10/1996, UBND tỉnh ban hành Quyết

định số 18/QĐ-UBND thành lập Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ biển Tây trên cơ sở chuyển Ban Quản lý rừng phòng hộ biển Tây trước đây. Ngày 21/11/2013, UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 256/QĐ-UBND giao cho Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ biển Tây diện tích 30.858.114,1m² đất có rừng để quản lý và sử dụng vào mục đích lâm nghiệp. Đến ngày 17/12/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ biển Tây quản lý. Đến năm 2016, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê biển Tây, đoạn từ Sông Đ - Đ thuộc địa bàn thị trấn S, huyện T kèm bảng chiết tính bồi thường, hỗ trợ thì phần đất thuộc thửa số 01, mảnh trích đo địa chính số 14 là đất hành lang đê do Nhà nước quản lý. Đến năm 2021, UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 thu hồi đất của Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ biển Tây và giao cho UBND huyện T quản lý để lập phương án hỗ trợ tái định cư. Trong diện tích thu hồi có diện tích đất ông U xây dựng căn nhà và UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 08 về việc xử phạt hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp của ông U. Cụ thể: Ngày 15/5/2022, UBND thị trấn S, huyện T phát hiện ông U đang xây dựng nhà tại khóm A, thị trấn S với diện tích theo đo đạc thực tế 92,75m^2. Qua kiểm tra tại mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau xác lập ngày 28/4/2021 và được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra xác nhận ngày 15/5/2021, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 29, tổng diện tích 21.453,0m², mục đích sử dụng đất là đất ở tại đô thị (ODT) tại khóm A, thị trấn S do UBND huyện T quản lý theo Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Cà Mau và diện tích nêu trên không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1343/QĐ-UBND. Ngày 16/5/2022, UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh Văn U và yêu cầu ông U ngừng thi công nhưng ông U không thực hiện. Việc ông U xây dựng nhà trên đất là hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại đô thị do UBND huyện quản lý, ông U đã vi phạm khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91 ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, UBND huyện T ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh Văn U là đúng quy định nên ông U yêu cầu hủy Quyết định số 08 là không có căn cứ.

[3.3] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 09 và Quyết định số 32:

Ngày 03/10/2022, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Văn U, thời gian thực hiện: 60 ngày, kể từ ngày nhận Quyết định. Ngày 25/11/2022, ông U có đơn xin gia hạn thời hạn tháo dỡ nhà đến ngày 15/12/2022 nhưng ông U vẫn không chấp hành. UBND đã nhiều lần vận động, thuyết phục ông U cùng gia đình tự nguyện tháo dỡ căn nhà, khôi phục lại tình trạng ban đầu nhưng ông U cố tình trì hoãn và không thực hiện.

Về nguyên tắc, việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền và vẫn còn hiệu lực pháp lý cho đến khi được thi hành xong, bị hủy bỏ, hoặc bị đình chỉ. Tuy nhiên, sau khi ban hành Quyết định số 08 thì Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 19/QĐ-CCXP ngày

03/10/2022 chưa được thi hành xong, không bị hủy bỏ hoặc bị đình chỉ nên vẫn còn hiệu lực. Nhưng lại tiếp tục ban hành Quyết định số 09 và Quyết định số 32, về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Văn U là vi phạm quy định tại Điều 3 của Nghị định số 296/2025/NĐ-CP ngày 16/11/2025 của Chính phủ và Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Tuy Quyết định số 09 và Quyết định số 32 có vi phạm về trình tự, thủ tục ban hành; khi ban hành Quyết định số 19/QĐ-CCXP ngày 03/10/2022, không tổ chức cưỡng chế thi hành nhưng các quyết định này có cùng nội dung cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Văn U trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08. Hơn nữa, các Quyết định số 19 và Quyết định số 09 không được triển khai thực hiện và cưỡng chế thi hành với lý do thời hạn cưỡng chế được ấn định tại các quyết định này đã hết nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông U. Đối với Quyết định số 32/QĐ-CCXP ngày 29/9/2025 của Chủ tịch UBND xã S tuy được ban hành trong thời điểm Quyết định số 19 và Quyết định số 09 đang còn hiệu lực nhưng đây là căn cứ thực hiện các bước cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Huỳnh Văn U nên vẫn phát sinh hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 1 Quyết định số 08 buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra đối với ông Huỳnh Văn U là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định nhưng ông U không chấp hành nên UBND cưỡng chế buộc thực hiện theo Quyết định số 32 là phù hợp với Điều 30 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trước khi thực hiện Quyết định số 32, các cơ quan ban ngành của huyện T – sau khi sáp nhập là xã S lập biên bản vận động nhưng ông U không tự nguyện chấp hành; thời hạn ghi trong quyết định là 30 ngày, nghĩa là những người liên quan đến quyết định và thực thi quyết định phải thực hiện cưỡng chế trong thời hạn 30 ngày, chứ không phải hết 30 ngày ghi trong Quyết định số 32 thì ông U mới thực hiện. Ông U đã được triển khai Quyết định số 32 và được vận động, thuyết phục nhưng ông U không tự nguyện thực hiện, nên Chủ tịch UBND xã S ban hành Quyết định số 32 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy Quyết định số 09 và Quyết định số 32 đã được tổ chức thi hành việc cưỡng chế đối với ông Huỳnh Văn U như đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Đại diện người khởi kiện cho rằng quyết định xử phạt và các quyết định cưỡng chế không đúng chủ thể vi phạm hành chính với lý do: Phần đất diện tích 92,75m^2 ông U đã tặng cho chị M và anh G, căn nhà bị cưỡng chế là do anh G và chị M xây dựng.

Tại khoản 1, 2 Điều 2 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, ...; xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, …; theo khoản 2 Điều 5 quy định: Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là cá nhân vi phạm hành chính...; do đó, lập biên bản vi phạm

hành chính đối với cá nhân ông Huỳnh Văn U, trong trường hợp này ông U là cá nhân của Hộ gia đình bị lập biên bản vi phạm hành chính, cho nên các quyết định hành chính áp dụng đối với ông U. Tại thời điểm này, chị M và anh G dù thực tế có sống trên căn nhà này nhưng không chứng minh được việc tặng cho là hợp pháp bằng văn bản và phần đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất như đã phân tích trên nên Quyết định số 08 và Quyết định cưỡng chế số 32 không buộc anh G và chị M thực hiện việc khắc phục hậu quả là có cơ sở.

[5] Với những nhận định trên, người khởi kiện không đưa ra được căn cứ pháp lý chứng minh cho yêu cầu khiếu kiện; do đó, bác toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn U.

[6] Án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Văn U phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng và chi phí thẩm định, đo đạc và thẩm định giá 21.783.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 31, 116, 158, khoản 1 Điều 348, 358, 366, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1, 2 Điều 2, Điều 3, 5, khoản 2 Điều 28, Điều 30, 38, khoản 1 Điều 85, điểm d khoản 2 Điều 86, Điều 87 và 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 24/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Quyết định hành chính số 09/QĐ-CCXP ngày 05/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Quyết định hành chính số 32/QĐ-CCXP ngày 29/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Cà Mau.

2. Án phí hành chính và chi phí tố tụng:

- Ông Huỳnh Văn U phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 20/10/2025, ông Huỳnh Văn U đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0002643 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

- Ông Huỳnh Văn U phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc và thẩm định giá 21.783.000 (hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Minh Út